

Bản án số: 48/2024/DS-PT

Ngày: 15-7-2024

“V/v tranh chấp đòi tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Hồng Ánh

*Các thẩm phán:* ông Bùi Đức Tuấn.

ông Ngô Văn Thắng.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Hoa Lê - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh:** bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 21 tháng 6, ngày 03 và 15 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử số 4, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 37/2024/TLPT-DS ngày 04/6/2024 về “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 15/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh bị bà Nguyễn Thị L là bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2024/QĐ-PT ngày 05/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2024/QĐ-PT ngày 21/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2024/QĐ-PT ngày 03/7/2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1954, địa chỉ: số nhà G đường T, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Vũ Văn N, sinh năm 1978, địa chỉ: số B đường L, phường L, quận L, thành phố Hải Phòng. (Theo văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 9 năm 2023), có mặt

**2. Bị đơn:** bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965, địa chỉ: khu E, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, có mặt

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Lê Văn K, sinh năm 1978, địa chỉ: tổ Dân phố A, T, phường N, thành phố

Hà Nội; và ông Nguyễn Sơn H, sinh năm 1977, địa chỉ: tổ A, phường P, quận B, thành phố Hà Nội (*Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 10 năm 2023*), đều vắng mặt.

- Ông Trần Văn H1, sinh năm 1984, địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên (*Giấy ủy quyền lập tại V công chứng Nguyễn Huy H2, thành phố M ngày 21/6/2024*), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị L là ông Hoàng Minh H3 – luật sư của Văn phòng L2, thuộc đoàn luật sư thành phố H, có mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** anh Nguyễn Tiến P, sinh năm 1993, địa chỉ: số nhà E đường T, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Vũ Trung H4, sinh năm 1976, địa chỉ: thôn F, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. (*Theo văn bản ủy quyền ngày 14/11/2023*), có mặt.

**4. Người làm chứng do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu triệu tập:**

- Bà Nguyễn Thị H5, địa chỉ: ngõ A Y, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Phương T, địa chỉ: P.22612A chung cư G, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị T1, địa chỉ: C N, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Anh Nguyễn Tiến Đ, địa chỉ: F phố T, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

**5. Người kháng cáo:** bà Nguyễn Thị L là bị đơn.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và tại phiên tòa anh Vũ Văn N trình bày:*

Do có quan hệ là chị em ruột, bà Nguyễn Thị L1 có nhờ bà Nguyễn Thị L giữ hộ số tiền 30.000.000.000đ (*ba mươi tỷ đồng*) có nguồn gốc là của anh Nguyễn Tiến P nhờ bà L1 giữ hộ, vì không muốn tài khoản của mình có số tiền lớn trong tài khoản nên bà L1 đã nhờ bà L giữ hộ số tiền này, sau khi bà L đồng ý, bà L1 đã chuyển cho bà L số tiền trên vào ngày 18/4/2018, việc chuyển tiền thể hiện tại giấy báo có số giao dịch 249 của Ngân hàng TMCP C1, người thụ hưởng tên Nguyễn Thị L. Tuy nhiên đến đầu năm 2023 khi anh P xây nhà và cần sử dụng khoản tiền trên, bà L1 đã nhiều lần yêu cầu bà L trả lại số tiền mà bà L1 đã chuyển để trả cho anh P, nhưng bà

L không trả, vì vậy bà L1 có đơn khởi kiện yêu cầu bà L phải trả số tiền 30.000.000.000đ (*ba mươi tỷ đồng*). Quá trình giải quyết, tại bản tự khai ban đầu của anh N là người đại diện cho bà L yêu cầu thêm nội dung tính lãi đối với số tiền trên. Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 10/12/2023 và tại phiên tòa anh N không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tài liệu chứng cứ, nguyên đơn xuất trình gồm: 01 bản sao sao kê chi tiết giao dịch ngày 18/4/2018 của Ngân hàng TMCP C1, 01 bản sao Giấy báo có của Ngân hàng TMCP C1 số giao dịch 249, ngày thực hiện 18/4/2018; Hợp đồng cho vay kiêm giấy đề nghị vay vốn kiêm giấy nhận nợ và hợp đồng bảo đảm.

***Bị đơn bà Nguyễn Thị L - người đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Sơn H trình bày:***

Ngày 18/4/2018, bà Nguyễn Thị L có nhận được số tiền 30.000.000.000đ (*ba mươi tỷ đồng*) của bà L1 chuyển vào tài khoản số 103000150352 của bà L tại Ngân hàng C1 chi nhánh M1 thể hiện tại giấy báo có của Ngân hàng. Tuy nhiên số tiền trên bà L1 chuyển theo sự chỉ đạo của ông Nguyễn Tiến P1 (bố của Nguyễn Tiến P) chuyển cho bà L với mục đích để lo việc cho Công ty và cho ông P1, trước và sau khi chuyển tiền bà L và bà L1 không có nội dung gì trao đổi với nhau. Bà L cho rằng đây là số tiền của ông P1 chuyển cho bà L với mục đích như trên nên không đồng ý trả lại theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại buổi hòa giải ngày 13/12/2023 đại diện của bị đơn anh Lê Văn K xác nhận nội dung như lời khai của anh H về việc bà L có nhận được số tiền 30.000.000.000đ (*ba mươi tỷ đồng*) do bà L1 chuyển vào tài khoản của bà L, số tiền này nguồn gốc là của ông P1 bố anh P chỉ đạo bà L1 chuyển để chi tiêu cho Công ty TNHH Q và cho cá nhân ông P1.

Tại phiên tòa anh K trình bày số tiền bà L1 chuyển cho bà L mục đích để giữ hộ và sử dụng chi tiêu cho ông P1 và Công ty. Nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L1 về việc trả lại số tiền trên cho bà L1.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, những người đại diện của bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu cung cấp chứng cứ của Thẩm phán. Tại phiên tòa đại diện bị đơn - anh K có cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 bản ảnh biên bản họp gia đình ngày 24/8/2023.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tiến P - người đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Trung H4 trình bày:***

Do mối quan hệ gia đình, anh P là cháu gọi bà L1 và bà L là cô (bà L1 là chị gái và bà L là em gái của ông Nguyễn Tiến P1, ông P1 là bố của anh Nguyễn Tiến P), khoảng năm 2018 anh nghe lời bố là ông Nguyễn Tiến P1 chuyển số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi tỷ đồng*) và có nhờ bà L1 giữ hộ vì sợ anh còn trẻ không giữ được tiền, nguồn gốc số tiền do anh P bán nhà của anh và tiền anh tiết kiệm được, ngày 17/4/2018, khi nghe lời bố anh đã dùng số tiết kiệm để thế chấp vay số tiền trên đồng thời giải Ngân vào tài khoản của bà L1 số tiền 30.000.000.000đ (*ba mươi tỷ đồng*) tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C1. Đến đầu năm 2023 anh P cần tiền để xây nhà và kinh doanh và yêu cầu Bà L1 đòi lại số tiền mà bà L1 gửi chỗ bà L, đại diện của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L1.

**Người làm chứng bà Nguyễn Thị H5 trình bày:** về mối quan hệ, bà khai xác nhận như lời khai của bà L1, đại diện bị đơn và đại diện của anh P đã khai, việc ông P1 chỉ đạo bà L1 chuyển tiền cho bà L giữ hộ để chi tiêu cho ông P1 và Công ty TNHH Q, bà được nghe trực tiếp từ ông P1 thông qua cuộc thăm gặp khi ông P1 đang ở Trại tạm giam Công an tỉnh Q, nhưng bà không nhớ rõ ông P1 nói vào ngày nào và không có ai chứng kiến.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H5 giao nộp 01 bản tường trình mang tên bà Nguyễn Thị H6 với nội dung cho rằng số tiền 30 tỷ là tiền của ông P1 và công ty Q, mục đích chuyển tiền là để lo việc gia đình cho ông P1. Tuy nhiên, bản tường trình này không được chứng thực do bà H6 trình bày và kí tên.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, một số tình tiết vụ án đã được các đương sự thừa nhận và còn có mâu thuẫn như sau:

\* Nội dung các đương sự thống nhất: Nguyên đơn, đại diện nguyên đơn; đại diện bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất: Có việc bà L nhận từ bà L1 số tiền 30.000.000.000đ (*ba mươi tỷ đồng*) thông qua giao dịch Ngân hàng ngày 18/4/2018 từ tài khoản của bà Nguyễn Thị L1 đến tài khoản của bà Nguyễn Thị L theo nội dung giấy báo có ngày 18/4/2018 của Ngân hàng C1. Mục đích chuyển tiền: giữ hộ

\* Nội dung các đương sự không thống nhất: về nguồn gốc của số tiền 30 tỷ hiện bà Nguyễn Thị L đang quản lý: theo nguyên đơn số tiền trên do nguyên đơn chuyển cho bị đơn là giữ hộ cho anh P. Quan điểm của đại diện bị đơn số tiền bà L1 chuyển cho bà L theo sự chỉ đạo của ông P1 là bố đẻ của anh P, mục đích chuyển tiền để chi tiêu cho ông P1 và Công ty TNHH Q.

Với nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 15/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đã tuyên:

- Áp dụng: khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 554; Điều 556; Điều 559 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L1 về kiện đòi tài sản đối với Nguyễn Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L1 số tiền 30.000.000.000đ (*ba mươi tỷ đồng*).

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/3/2024, Nguyễn Thị L là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị xét xử phúc thẩm lại vụ án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn là bà Nguyễn Thị L giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 15/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

Kháng cáo của bà Nguyễn Thị L được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo trong phạm vi bản án sơ thẩm, nên hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị L:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày quan điểm cho rằng Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L1 là hoàn toàn không có căn cứ. Bởi lẽ số tiền mà bà Nguyễn Thị L1 chuyển vào tài khoản của bà L là tiền của ông Nguyễn Tiến P1 và của Công ty TNHH Q. Trong thời gian ông P1 bị giam giữ tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, ông P1 đã yêu cầu bà L1 chuyển số tiền 30.000.000.000đ cho bà L quản lý và sử dụng vào công việc của gia đình và việc của Công ty. Việc ông P1 yêu cầu bà L1 chuyển tiền cho bà L có các thành viên trong gia đình là anh chị em ruột và các con của ông P1 đều biết. Năm 2023 gia đình bà L đã họp (gồm có bà Nguyễn Thị H5, bà Nguyễn Thị H6, bà Nguyễn Thị L1, bà Lê Thị C, ông Phạm Ngọc T2, bà Nguyễn Thị T3) để giải quyết số tiền trên, và đã lập biên bản có chữ ký những người tham gia phiên họp. Đề nghị xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L là ông Trần Văn H1 trình bày quan điểm bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định số tiền 30.000.000.000đ nêu trên là tiền của ông Nguyễn Tiến P1, trong đó dành ra 5.000.000.000đ để xây nhà thờ họ, còn lại 25.000.000.000đ chia cho các con ông P1 là anh Nguyễn Tiến P, anh Nguyễn Tiến Đ, chị Nguyễn Thị Phương T, chị Nguyễn Thị T1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thị L là ông Hoàng Minh H3 trình bày quan điểm bổ sung, trong đó xác định rõ nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 03/7/2024 bà Nguyễn Thị L giao nộp bổ sung 01 vi bằng số 213/2024/VB-TPLHL ngày 30/6/2024 của Văn phòng T7. Nội dung Vi Bằng lập ngày 30/6/2024 đề mở 02 đoạn băng ghi âm.

Đoạn băng thứ nhất có tên “Tuệ Tĩnh bản sao” thời lượng dài 01 giờ 26 phút 15 giây, được ghi thể hiện tại vi bằng từ trang 03 đến trang 41, có nội dung ghi âm cuộc họp gia đình của anh chị em bà L. Trong đoạn băng ghi âm này có nội dung xác nhận ngôi nhà số E N có nguồn gốc hai vợ chồng ông P1 bà T4 chuyển nhượng sang tên cho anh Nguyễn Tiến P. Năm 2012 anh P bán nhà số E N được 68 tỷ để lo việc cho ông P1, nhưng không lo được. Sau đó anh P đã đầu tư chi tiêu hết, còn lại 30 tỷ gửi bà L1, bà L1 đã chuyển khoản vào tài khoản của bà L để bà L giữ hộ. Sau đó là nội

dung các ông (bà): Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H5, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị H6, Lê Thị C, Phạm Ngọc T2 họp bàn và không thống nhất được với nhau về việc trả lại cho anh Nguyễn Tiến P bao nhiêu tiền để xây nhà ở, bao nhiêu tiền để xây nhà thờ, chia cho anh Nguyễn Tiến Đ, chị Nguyễn Thị Phương T, chị Nguyễn Thị T1, và không chia cho 02 con của ông P1 với bà T4.

Đoạn băng thứ hai có tên “Tuệ Tĩnh” thời lượng dài 26 phút 00 giây, được ghi thể hiện tại vi bằng từ trang 42 đến trang 57, có nội dung ghi tại cuộc nói chuyện trong cuộc họp gia đình của anh chị em bà L. Trong đoạn băng ghi âm này có nội dung bà L1 nói: *“Tiền nó, nhà nó. Cho nó rồi là của nó”*, bà H5 nói *“Bán nhà xong rồi nó chuyển tiền cho chị, thế thì làm sao nó lại chuyển tiền cho chị”*, bà L1 nói *“Vi nó thương bố nó”*, bà H5 nói *“Thì nó không trả thì chẳng đến cơ sự như thế này”*.

Ngày 02/7/2024 người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị L là ông Hoàng Minh H3 giao nộp bổ sung: 01 đơn đề nghị của chị Nguyễn Thị Phương T, và 01 vi bằng số 216/2024/VB-TPLHL ngày 01/7/2024 của Văn phòng T7. Nội dung Vi Bằng lập ngày 01/7/2024 đề mở 01 đoạn video và 01 file ghi âm.

Đoạn video có thời lượng dài 07 phút 17 giây, được ghi thể hiện tại vi bằng từ trang 02 đến trang 05, có nội dung ghi tại cuộc nói chuyện giữa bà Nguyễn Thị L và bà Đặng Thị M. Trong đoạn video này, có nội dung bà M nói *“Thì tôi chỉ bảo cái nhà đấy thì là nó bảo là bố với cái T4 ký cho nó, tài sản riêng của nó, nó bán đi thì nó bảo là các bá bắt nó chuyển về, nó không chịu”*; bà L nói *“Đứng tên thì bố nó ở trong đấy thì bố nó cho nó đứng tên thôi, nếu Công ty có công việc gì cần đến tiền thì là phải giải quyết lấy tiền dùng”*.

File ghi âm được ghi thể hiện tại vi bằng từ trang 06 đến trang 08, có nội dung ghi lại lời trần trối cuối cùng của ông P1 trước khi ông P1 đi tiêm thuốc độc; ông P1 dặn dò bà Nguyễn Thị L1 thay mặt ông P1 giải quyết tài sản của ông P2 để lại. Trong file ghi âm này không có nội dung nào ông P1 nhắc tới số tiền 30 tỷ đồng của anh P chuyển vào tài khoản của bà L1 và bà L1 chuyển vào tài khoản của bà L.

Người làm chứng do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu triệu tập: chị Nguyễn Thị P3 Thanh vắng mặt tại phiên tòa; tại đơn đề nghị của chị T ghi ngày 02/7/2024, có nội dung chị T xác nhận năm 2011 ông Nguyễn Tiến P1 yêu cầu bà Ngô Minh T5 là vợ của ông P1 cùng ký chuyển nhượng căn nhà số E N, phường L, quận H, thành phố Hà Nội cho em trai chị T là anh Nguyễn Tiến P. Ông P1 đã yêu cầu bà Nguyễn Thị L đi gặp bà T5 để yêu cầu bà T5 ký vào giấy chuyển nhượng nhà cho anh P. Ông P1 chuyển nhượng nhà số E N cho anh P đứng tên hộ để

giao dịch. Chị T không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh năm 2011 hai vợ chồng ông P1 bà T5 không tự nguyện chuyển nhà số 52 Nguyễn Hữu H7 sang cho anh P được quyền sở hữu sử dụng mà chỉ nhờ anh P đứng tên hộ để giao dịch.

Người làm chứng do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu triệu tập là bà Nguyễn Thị H5, và anh Nguyễn Tiến P tại phiên tòa phúc thẩm đều khai về số tiền 30.000.000.000đ bà L1 gửi vào tài khoản của bà L ngày 18/4/2018 là tiền của ông Nguyễn Tiến P1, như không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh.

Xét thấy: tại đơn khởi kiện ghi ngày 05/8/2023, được bổ sung bằng các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều khai xác nhận ngày 18/4/2018 bà Nguyễn Thị L1 có chuyển số tiền 30.000.000.000đ vào tài khoản số 103000150352 của bà Nguyễn Thị L mở tại Ngân hàng C1 chi nhánh M1, mục đích chuyển tiền để bà L giữ hộ. Nguồn gốc của số tiền 30.000.000.000đ này là của anh Nguyễn Tiến P gửi từ tài khoản của anh P vào tài khoản của bà L1 để nhờ bà L1 giữ hộ. Bà L1 do không muốn để nhiều tiền trong tài khoản nên đã chuyển 30.000.000.000đ này vào tài khoản của bà L để nhờ bà L giữ hộ. Tài liệu chứng cứ do bà L1 và anh P giao nộp gồm có: Giấy báo có số 439 ngày 17/4/2018 của Ngân hàng TMCP C1 chi nhánh B: 30898 – CN M – Hội sở, Hợp đồng cho vay kiêm giấy đề nghị vay vốn kiêm giấy nhận nợ và hợp đồng bảo đảm số 26/2018-HĐCV/NHCT90235 ngày 17/4/2028 và được Ngân hàng TMCP C1 giải ngân vào tài khoản cá nhân bà L1 ngày 17/4/2018, Giấy báo có số giao dịch 249 ngày 18/4/2018 của Ngân hàng TMCP C1, người thụ hưởng tên Nguyễn Thị L.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L xác nhận ngày 18/4/2018 bà Nguyễn Thị L1 có chuyển số tiền 30.000.000.000đ vào tài khoản số 103000150352 của bà Nguyễn Thị L mở tại Ngân hàng C1 chi nhánh M1.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận có sự việc ngày 18/4/2018 bà Nguyễn Thị L1 có chuyển số tiền 30.000.000.000đ vào tài khoản số 103000150352 của bà Nguyễn Thị L mở tại Ngân hàng C1 chi nhánh M1. Bà L1 yêu cầu bà L trả lại số tiền 30.000.000.000đ đã gửi bà L, để bà L1 trả lại cho anh P. Bà L cho rằng số tiền 30.000.000.000đ này có nguồn gốc là của ông Nguyễn Tiến P1 chỉ đạo bà L1 chuyển cho bà L giữ hộ, nhưng không được bà L1 công nhận, bà L cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc ông P1 chỉ đạo bà L1 chuyển số tiền trên cho bà L giữ hộ ông P1. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà L khai số tiền

30.000.000đ trên ông P1 chỉ đạo bà L1 chuyển cho bà L để bà L chi cho việc của ông P1 và việc của Công ty Q, nên không đồng ý trả lại cho bà L1. Vi bằng số 213/2024/VB-TPLHL ngày 30/6/2024 của Văn phòng T7 do bà L giao nộp tại giai đoạn xét xử phúc thẩm vụ án ngày 03/7/2024 có nội dung thể hiện tại cuộc họp gia đình ngày 24/8/2023, bà L không đồng ý trả lại số tiền 30.000.000.000đ cho bà L1 với lý do số tiền này phải dành ra một phần để chia cho 03 người con chung của ông Nguyễn Tiến P1 với bà Đặng Thị M là anh Nguyễn Tiến Đ, chị Nguyễn Thị Phương T và chị Nguyễn Thị T1; không chia cho 02 người con chung của ông Nguyễn Tiến P1 với bà Ngô Minh T5. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà L không có yêu cầu phản tố.

Mặt khác, nếu có tài liệu chứng cứ chứng minh số tiền 30.000.000.000đ trên không thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Tiến P, mà thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Tiến P1 thì các ông (bà): Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H5, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị H6, Lê Thị C, Phạm Ngọc T2 cũng không phải là người thừa kế ở hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông P1 để định đoạt số tiền trên như nội dung ý kiến của các ông (bà) L, H5, H6, C, T2 đã thể hiện tại vi bằng số 213/2024/VB-TPLHL ngày 30/6/2024 của Văn phòng T7 nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà L có quan điểm đồng ý trả lại số tiền 30.000.000.000đ cho bà Nguyễn Thị L1 với điều kiện bà L1 phải cho bà L thời gian từ 03 đến 06 tháng để bà L thu xếp tiền trả, nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L1 là ông Vũ Văn N chấp nhận. Ông Vũ Văn N chỉ đồng ý cho bà Nguyễn Thị L thu xếp trong thời gian 01 tháng để trả đủ 30.000.000.000đ cho bà L1. Bà L cho rằng trong thời gian 01 tháng thì bà L không thể thu xếp đủ số tiền 30.000.000.000đ để trả cho bà L1. Các đương sự không thống nhất được với nhau về thời gian thu xếp trả lại số tiền 30.000.000.000đ, không thỏa thuận được với nhau về giải quyết nội dung vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ngày 26/01/2024 anh Nguyễn Tiến Đ có đơn đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm đưa anh Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ngày 20/02/2024 ông Nguyễn Hồng H8 là người được anh Nguyễn Tiến Đ mời bảo vệ quyền và lợi ích cho anh Đ có đơn đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm đưa anh Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Lý do anh Nguyễn Tiến Đ và ông Nguyễn Hồng H8 đề nghị Tòa án đưa anh Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì cho rằng ông P1 đã có di

chức để lại số tiền 30.000.000.000đ trên cho anh Nguyễn Tiến Đ, chị Nguyễn Thị Phương T và chị Nguyễn Thị T1. Tòa án cấp sơ thẩm xác định vụ án thụ lý theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp về đòi lại tài sản gửi giữ nên không chấp nhận đề nghị nêu trên của anh Đ và ông H8 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những phân tích và viện dẫn nêu trên, xét thấy kháng cáo của bà Nguyễn Thị L không có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo của bà Nguyễn Thị L không được chấp nhận, vì vậy bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 15/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 554; Điều 556; Điều 559 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L1 về kiện đòi tài sản đối với Nguyễn Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L1 số tiền 30.000.000.000đ (*ba mươi tỷ đồng*).

Kể từ ngày bà L1 có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bà Nguyễn Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp có quy định khác.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 138.000.000đ (*Một trăm ba mươi tám triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, và 300.000.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003097 ngày 26/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND TP Móng Cái.
- VKSND tỉnh Quảng Ninh.
- THADS TP Móng Cái.
- Các đương sự.
- Lưu HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Ánh**